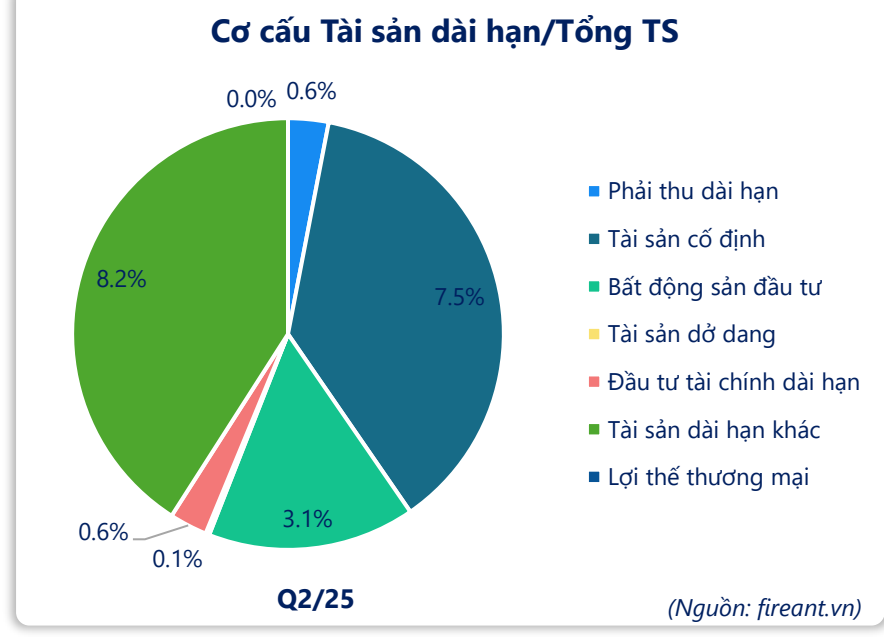
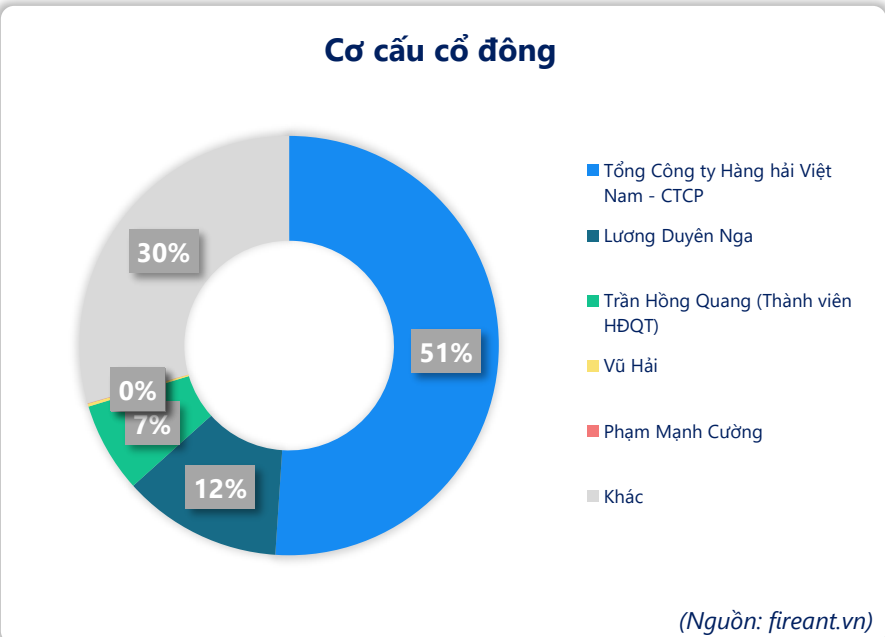
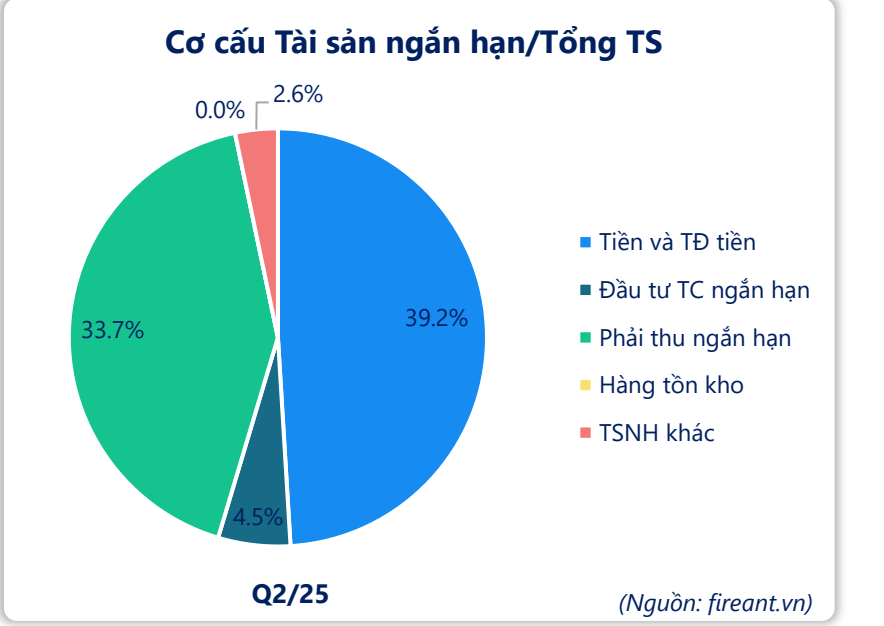
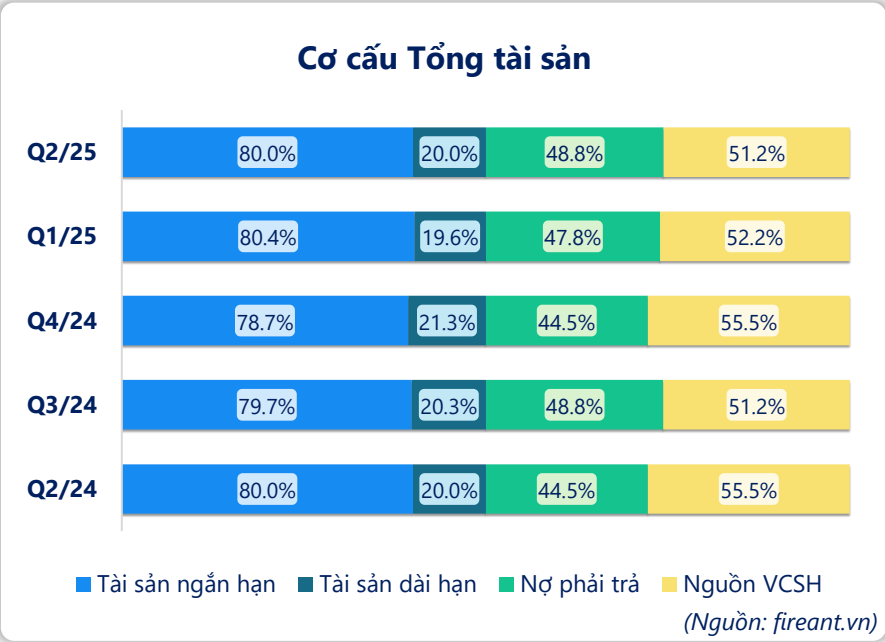
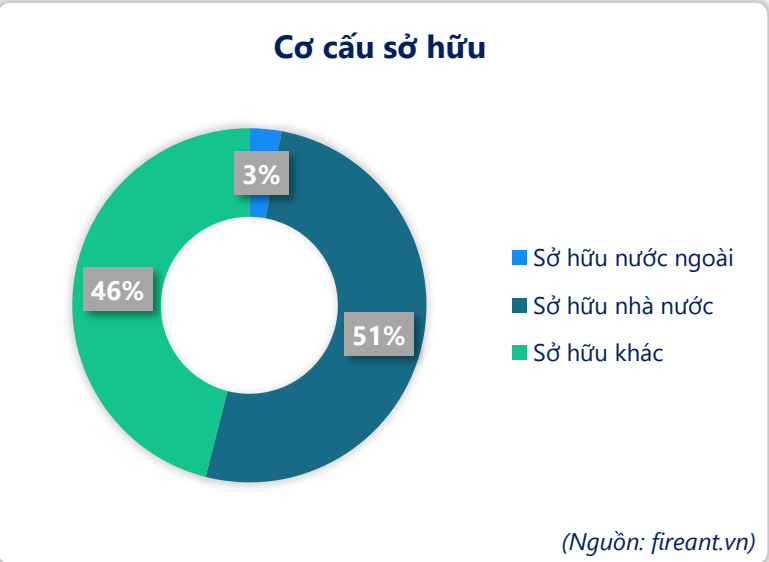
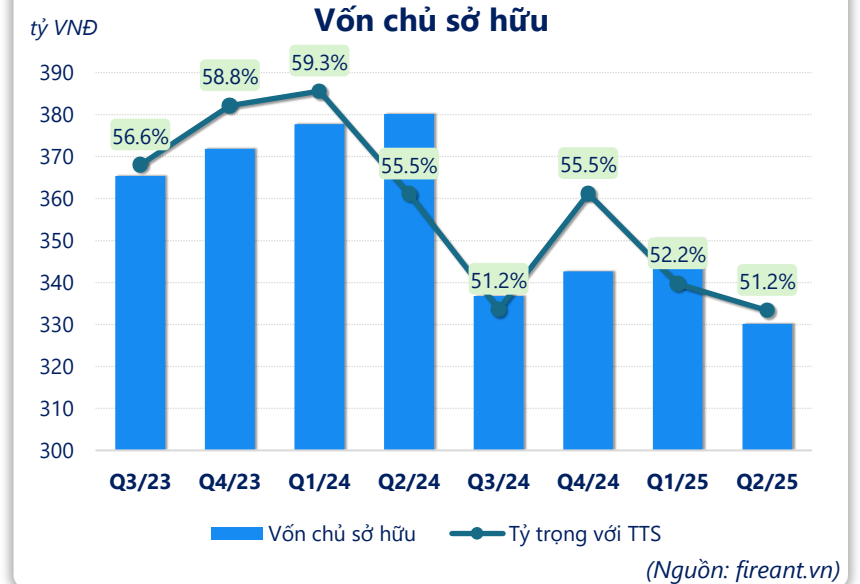
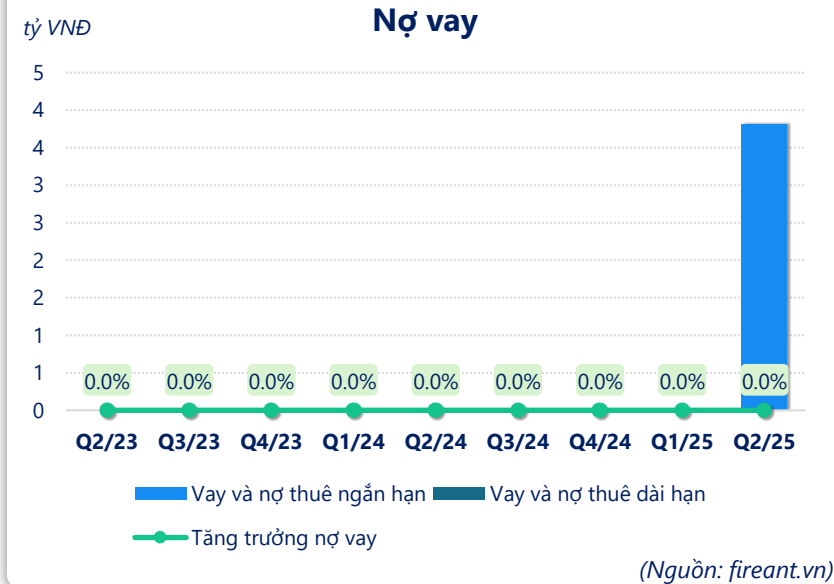
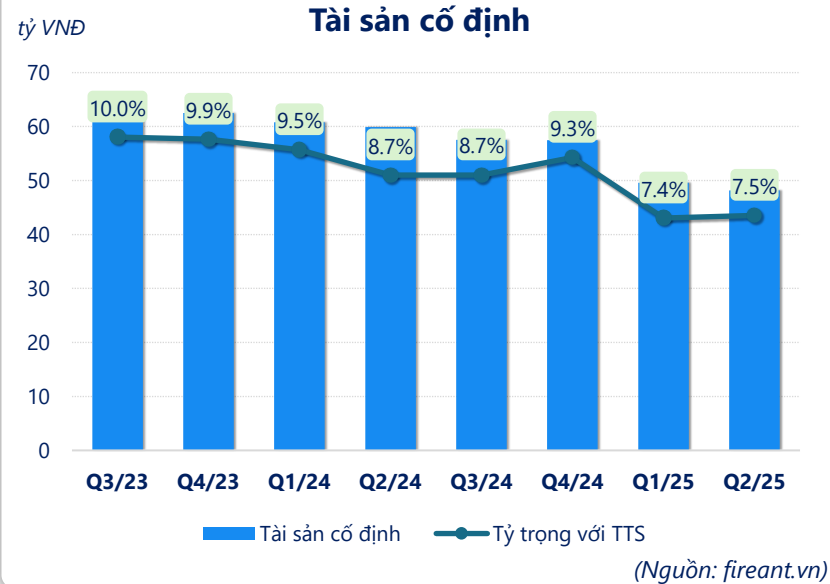
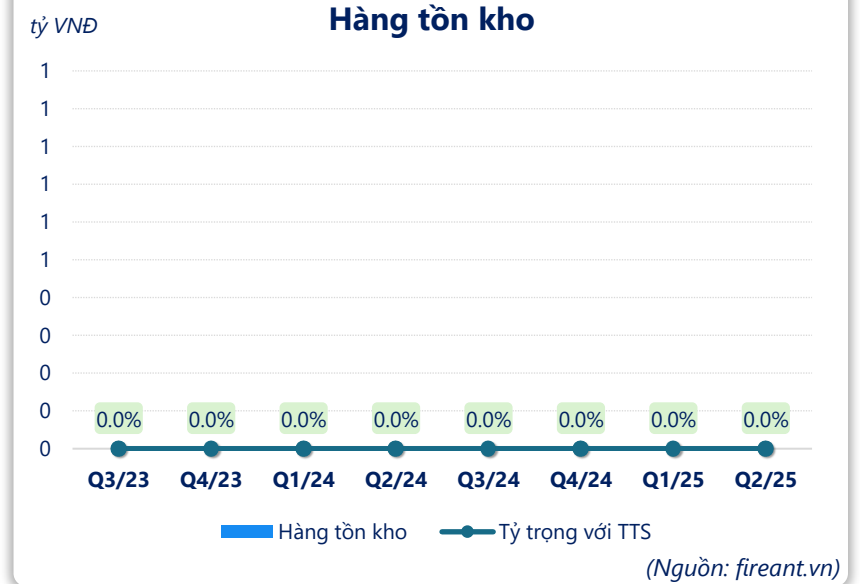
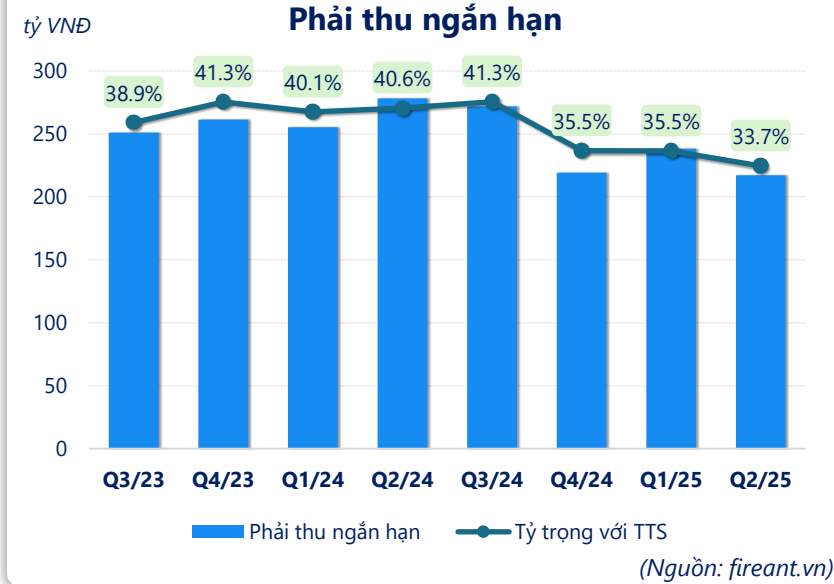
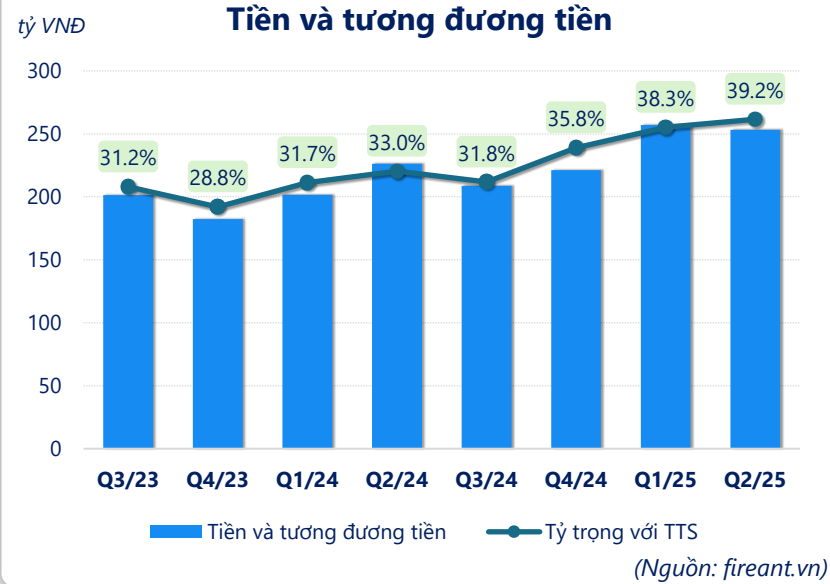
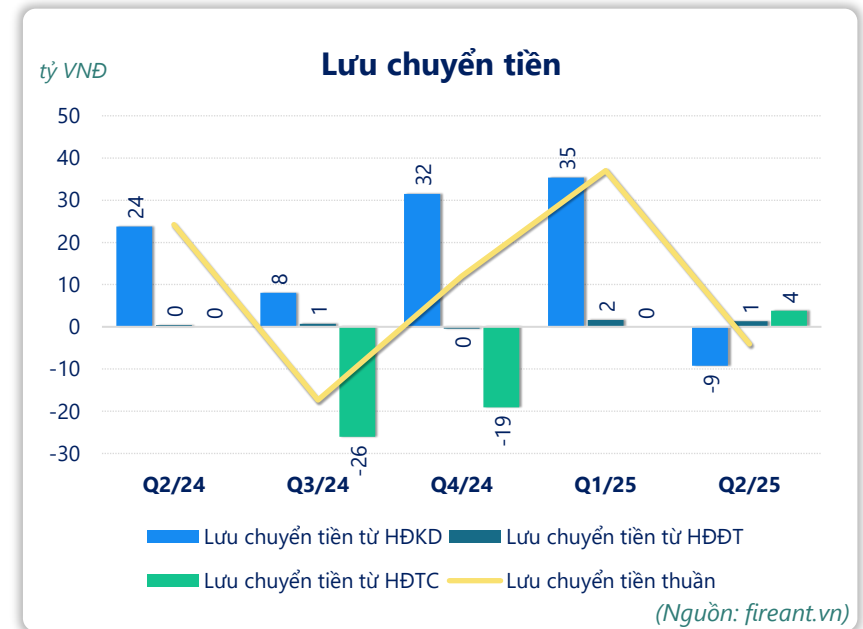
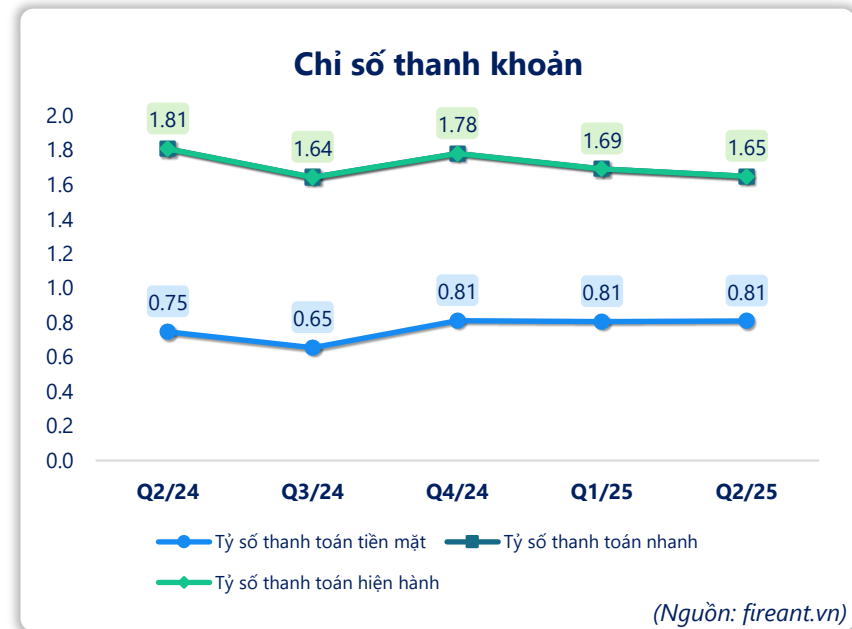
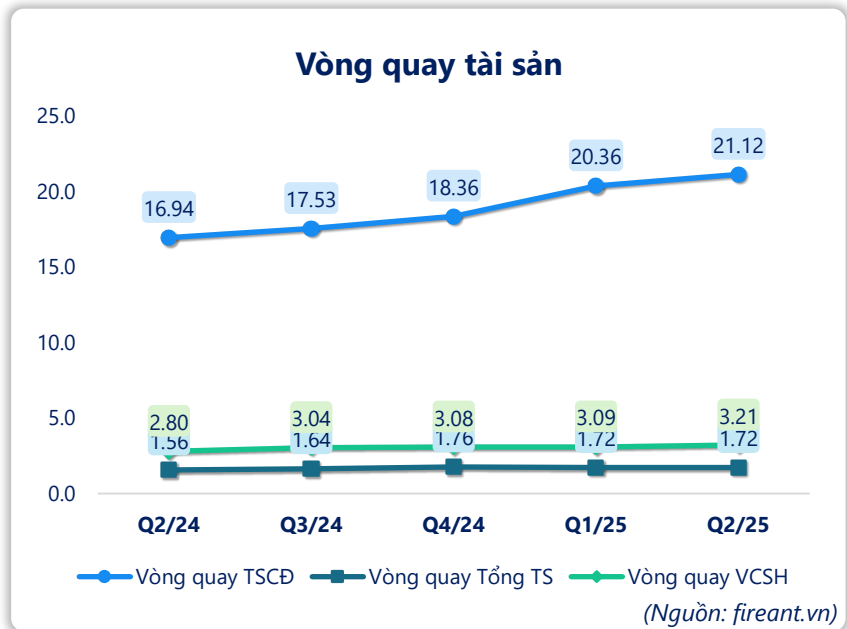
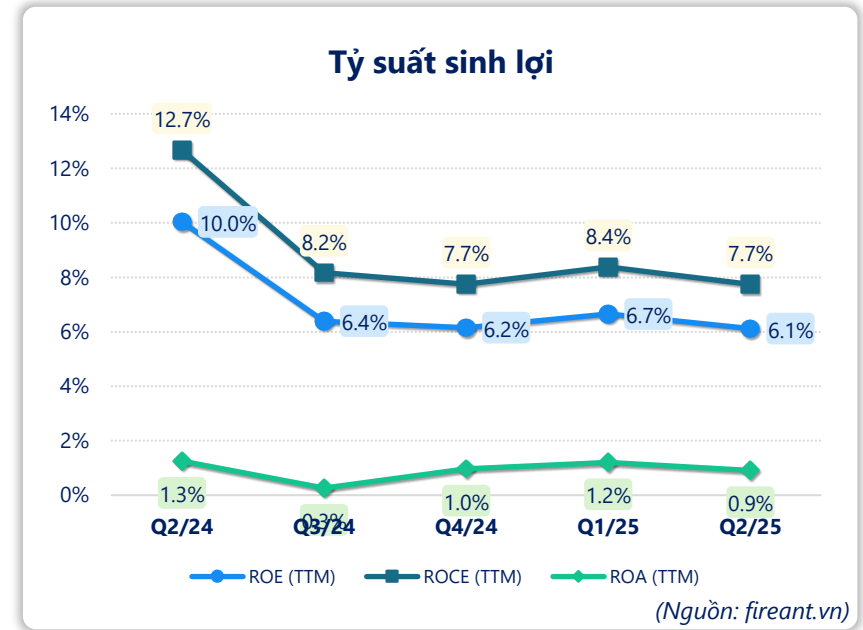
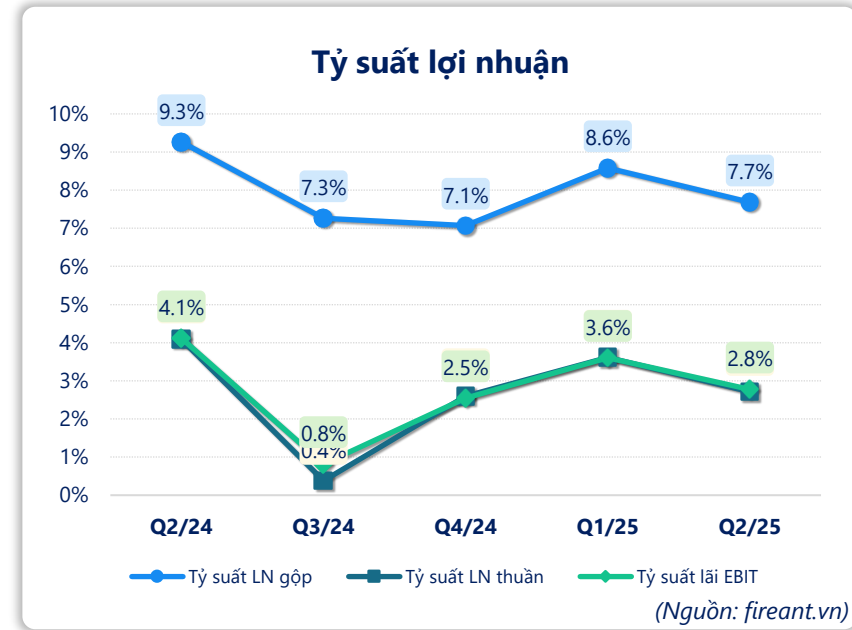
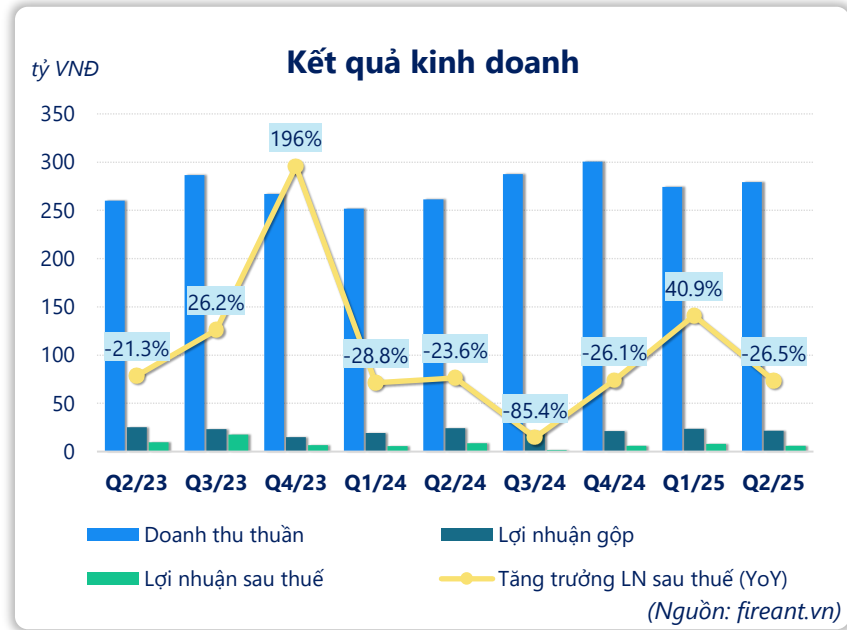


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,868
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,191
SL cổ phiếu LH		14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,945
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		328
P/E		15.1
EPS		1,542

	YTD	1T	3T	6T
VSA	8.7%	5.9%	5.5%	10.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	645	617	4.5%
Tài sản ngắn hạn	516	484	6.6%
Tiền và tương đương tiền	253	220	15.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.8	27.8	3.6%
Phải thu ngắn hạn	217	218	-0.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	17.0	18.6	-8.6%
Tài sản dài hạn	129	133	-3.2%
Phải thu dài hạn	3.91	3.87	1.0%
Tài sản cố định	48.2	57.6	-16.3%
Bất động sản đầu tư	20.0	14.6	37.4%
Tài sản dở dang	0.37	0.36	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.65	3.65	0.0%
Tài sản dài hạn khác	52.8	53.1	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0.02	-100%
Nợ phải trả	315	275	14.6%
Nợ ngắn hạn	313	273	14.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.82	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	99.2	106	-6.4%
Nợ dài hạn	1.94	1.89	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	330	343	-3.6%
Vốn chủ sở hữu	330	343	-3.6%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	262	288	301	274	279
Giá vốn hàng bán	237	267	279	251	258
Lợi nhuận gộp	24.2	20.9	21.2	23.5	21.4
Doanh thu HĐTC	5.27	3.49	7.53	3.90	5.59
Chi phí TC	0.72	1.79	2.52	0.51	1.10
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	18.1	21.5	18.4	17.0	18.4
LN thuần từ HĐKD	10.7	1.09	7.82	9.90	7.57
Lợi nhuận khác	0.08	1.26	-0.17	-0.02	0.13
LN trước thuế	10.8	2.36	7.65	9.88	7.70
Lợi nhuận sau thuế	8.56	1.71	6.07	7.88	6.07
LNST của CĐ cty mẹ	8.56	1.71	6.07	7.88	6.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.7	8.03	31.5	35.4	-9.20
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.44	0.67	-0.42	1.64	1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-26.0	-19.1	0	3.80
Tiền đầu kỳ	202	226	209	220	257
Lưu chuyển tiền thuần	24.2	-17.3	12.0	37.0	-4.10
Ảnh hưởng tỷ giá	0.45	-0.29	0.52	0.03	0.12
Tiền cuối kỳ	226	209	221	257	253

(Nguồn: fireant.vn)